

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA ĐÀN
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: **49** /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/12/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Thanh và bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thùy Trang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn xét xử sơ thẩm công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 199/2022/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về yêu cầu “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 25/QĐHPT- HNGĐST ngày 29 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Lê Thị A**- sinh năm 1992

Địa chỉ: xóm T - xã Nghĩa T - huyện Nghĩa Đàn- Tỉnh Nghệ An (Có mặt)

2. Bị đơn: anh **Trần Văn N** - sinh năm 1991

Địa chỉ: xóm P - xã Nghĩa P - huyện Nghĩa Đàn- Tỉnh Nghệ An (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị A trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn N kết hôn với nhau vào ngày 29 tháng 02 năm 2016 tại ủy ban nhân dân xã Nghĩa P - huyện Nghĩa Đàn- tỉnh Nghệ An. Hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không hiểu và không tôn trọng nhau, anh N không có trách nhiệm với gia đình và con cái dẫn đến mất tình cảm, đã sống

ly thân nhau từ năm 2019 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn N.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn N có hai con chung là Trần Phúc N, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2016 và cháu Trần Phương L, sinh ngày 04 tháng 12 năm 2018. Ly hôn chị A có nguyện vọng được nuôi hai con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Trần Văn N, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án anh N trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn đúng như chị A trình bày. Trong quá trình chung sống anh thấy cuộc sống hai vợ chồng vẫn diễn ra bình thường, anh đang còn tình cảm với chị A, nay chị A yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Lê Thị A có hai con chung là Trần Phúc N, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2016 và cháu Trần Phương L, sinh ngày 04 tháng 12 năm 2018. Ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con chung là Trần Phúc N và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án đã thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.
- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án: Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại điều 51, điều 236, điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật

- Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị A là cho ly hôn với anh Trần Văn N; Việc nuôi con: đề nghị hội đồng xét xử giao con chung là Trần Phúc N, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2016 và cháu Trần Phương L, sinh ngày 04 tháng 12 năm 2018 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đã thành niên có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình; Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Nguyên đơn chị Lê Thị A có nơi cư trú tại xóm Trống - xã Nghĩa Thọ - huyện Nghĩa Đàn- Tỉnh Nghệ An yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn N là bị đơn có nơi cư trú tại xóm P - xã Nghĩa P - huyện Nghĩa Đàn- Tỉnh Nghệ An do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- *Về việc xét xử vắng mặt của bị đơn*: Bị đơn anh Trần Văn N có hộ khẩu thường trú tại xóm P - xã Nghĩa P - huyện Nghĩa Đàn- tỉnh Nghệ An quá trình giải quyết vụ án anh N đã có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải. Tuy nhiên anh N không thống nhất với yêu cầu của chị A. Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử và thông báo cho anh N biết đồng thời tổng đạt các tài liệu, giấy triệu tập họp lệ cho anh N nhưng anh N không có mặt. Tòa án đã tiến hành niêm yết các tài liệu, giấy triệu tập và các chứng cứ tại địa phương nơi anh N cư trú theo đúng quy định tại điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227; điểm b khoản 1 điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị A và anh Trần Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 02 năm 2016 tại ủy ban nhân dân xã Nghĩa P - huyện Nghĩa Đàn- Tỉnh Nghệ An là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tôn trọng nhau, không còn tình cảm với nhau nên đã sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm giữa chị A và anh N không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị A.

2.2. Về con chung: chị Lê Thị A và anh Trần Văn N có hai con chung là Trần Phúc N, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2016 và Trần Phương L, sinh ngày 04 tháng 12 năm 2018. Quá trình chị A và anh N sống ly thân thì các con chung ở với chị A, hiện nay đang được đi học và có cuộc sống ổn định. Đối với anh N quá trình hòa giải anh có nguyện vọng được nuôi con chung là Trần Phúc N, nhưng hiện tại anh N không có mặt tại địa phương và con chung Trần Phúc N đang được chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc. Hơn nữa tại phiên tòa anh N không có mặt thể hiện việc không có trách nhiệm với con cái và không có trách nhiệm với nguyện vọng của mình. Do vậy để đảm bảo quyền lợi cho con

chung hội đồng xét xử thấy rằng cần giao hai con chung là Trần Phương L và Trần Phúc N cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đã thành niên có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp.

2.3. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A không yêu cầu do đó tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N.

2.4. Về tài sản chung, nợ chung: chị A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; điểm b khoản 2 điều 227, điểm b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56; điều 58, điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị A.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị A ly hôn với anh Trần Văn N.

2. Việc nuôi con: Giao con chung là Trần Phúc N, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2016 và Trần Phương L, sinh ngày 04 tháng 12 năm 2018 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đã thành niên có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N do chị A không yêu cầu.

Anh N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung khi có căn cứ hoặc có lý do chính đáng theo quy định của pháp luật thì có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án chị Lê Thị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0005848 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Đàn.

4. Nguyên đơn chị Lê Thị A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Trần Văn N có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND h. Nghĩa Đàn
- Chi cục THADS h. Nghĩa Đàn
- TAND tỉnh Nghệ An
- UBND xã Nghĩa P - h. Nghĩa Đàn.
- Lưu hồ sơ vụ án

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hương